

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 191/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2020

V/v “*Tr A chấp ly hôn*”

NHÂN D A

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Kiệt**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Quỳ;

2. Ông Nguyễn Văn Thom.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tr A chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 112/2020/TBXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn Công N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu vực T1, phường H, quận N, TP. C.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Văn Công N trình bày: Vào năm 2008, ông Văn Công N và bà Nguyễn Thị Thúy A có tình cảm và tìm hiểu nhau, nên đã tự nguyện tiến tới hôn

nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ (cũ), nay là xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ), vào ngày 19/12/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bà Thúy A đã bỏ đi để tìm cuộc sống khác, vợ chồng đã sống ly thân cách nay 09 năm, thỉnh thoảng bà Thúy A có về địa phương để thăm gia đình. Mặc dù, vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Do thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên ông N có đơn xin ly hôn với bà Thúy A. Các đương sự không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bà Nguyễn Thị Thúy A để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà Thúy A vẫn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa bà Thúy A vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng về việc có mặt khi được Tòa án triệu tập theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tr A chấp ly hôn*” là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cờ Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Văn Công N, ông N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy A; Về con chung: Các đương sự không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Thúy A vắng mặt, nên không có ý kiến đối chất về vấn đề này, nên tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này các đương sự có phát sinh tr A chấp và có yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tr A luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tr A chấp: Ông Văn Công N và bà Nguyễn Thị Thúy A, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn ông N có đơn xin ly hôn với bà Thúy A. Đây là tr A chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung”.*

Theo giấy xác nhận tình trạng cư trú 26/11/2019 của Công an xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ xác nhận bà Thúy A có đăng ký tạm trú tại Ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ, “có đi đi về về” địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, bà Thúy A vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền quản lý về cư trú, nên xác định bà Thúy A thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ.

Tòa án tiến hành các thủ tục triệu tập hợp lệ đối với bà Thúy A nhưng bà Thúy A vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Thúy A theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Công N và bà Nguyễn Thị Thúy A, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 19/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Thốt Nốt, TP. Cần Thơ (cũ), nay là xã Trung An, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ), nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà Thúy A đã bỏ nhà đi nơi khác để tìm cuộc sống mới, vợ chồng đã sống ly thân 09 năm, mặc dù các đương sự đã tìm cách khắc phục, hàn gắn,

nhưng không có kết quả. Bản thân bà Thúy A, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cũng như bà Thúy A không gửi đến Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ hay văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi của ông N. Điều này, chứng tỏ bà Thúy A không có thiện chí hàn gắn tình cảm với ông N. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã thật sự sâu sắc trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của ông N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Các đương sự không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Thúy A vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến đối chất về vấn đề này, nên tách ra giải quyết thành vụ án khác, nếu sau này các đương sự có phát sinh tr A chấp và có yêu cầu khởi kiện.

[6] Về án phí: Ông Ngh ề phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51; 56; 57 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của ông Văn Công N với bà Nguyễn Thị Thúy A.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Công N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy A.

Về con chung: Các đương sự không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách thành vụ án khác để giải quyết, nếu sau này có phát sinh tr A chấp và có yêu cầu khởi kiện.

Về án phí: Ông Văn Công N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai số 012982 ngày 14/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông Văn Công N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thúy A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thừa hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt